

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN
thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị
về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia
trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới (viết tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 27-NQ/TW; tạo chuyển biến rõ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị đối với phát triển vùng, liên kết vùng và tổ chức không gian phát triển; khắc phục triệt để tư duy phát triển khép kín theo địa giới hành chính, phát huy vai trò, vị trí trọng yếu và lợi thế so sánh của Lạng Sơn trong tổng thể Vùng Trung du và miền núi phía Bắc và không gian phát triển quốc gia.

Kế thừa, lồng ghép và nâng cao hiệu quả thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cùng các kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội đã ban hành. Tập trung mạnh mẽ vào các nội dung đặc thù của Nghị quyết số 27-NQ/TW về tổ chức không gian, liên kết vùng, cơ chế điều phối, hạ tầng liên vùng, nâng cấp đô thị trung tâm thành cực tăng trưởng, phân bổ nguồn lực và phối hợp liên tỉnh.

2. Yêu cầu

Tổ chức phát triển trên cơ sở tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên, môi trường và liên kết vùng; bảo đảm đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể quốc gia và yêu cầu phát triển sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, vận hành ổn định mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Việc cụ thể hóa các chỉ tiêu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc phải thực chất, phù hợp với điều kiện thực tế, điểm xuất phát và các mục tiêu chiến lược đã được tỉnh xác định. Mọi nhiệm vụ phát triển kinh tế, tổ chức không gian phải gắn kết chặt chẽ với yêu cầu quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, ổn định dân cư biên giới, bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ bản sắc văn hóa các dân tộc và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược của tỉnh; chủ động tham gia, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển và tăng cường liên kết với các tỉnh trong Vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Vùng đồng bằng sông Hồng trong phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông - lâm nghiệp, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực; hình thành các chuỗi liên kết, không gian phát triển hiện đại, xanh, bền vững; nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực kết nối, chia sẻ dữ liệu và trong Vùng; tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh và đóng góp vào tăng trưởng chung của Vùng.

Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đến năm 2030, Lạng Sơn trở thành một trong những cực tăng trưởng của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân/năm đạt trên 10%.
- Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 14 - 15%; Công nghiệp - xây dựng 32 - 33%; Dịch vụ 49 - 50%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3 - 4%.
- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 đạt khoảng 9,22%.
- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt trên 30%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm đạt khoảng 9,2%.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%.
- Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe 68 năm.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%.
- Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều khoảng 2%/năm.
- Số bác sĩ/vạn dân đến năm 2030 đạt 13,5 Bác sĩ.
- Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 100%.
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%.
- Thu nội địa tăng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,7 - 0,75.
- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100% tiêu chuẩn môi trường.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 65%.
- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 60%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Lạng Sơn là tỉnh có nền kinh tế hiện đại, năng động, xanh và có sức cạnh tranh cao; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với các trung tâm kinh tế trong nước và quốc tế; hệ thống cửa khẩu hiện đại, xanh, thông minh, an toàn, hiệu quả. Lạng Sơn trở thành trung tâm kinh tế cửa khẩu, logistics, thương mại và trung chuyển hàng hóa quan trọng của quốc gia và khu vực, là đầu mối kết nối quan trọng giữa Việt Nam, các nước Đông Nam Á với Trung Quốc và các thị trường quốc tế; cơ cấu kinh tế chuyển mạnh sang công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng cao, nhất là thương mại, logistics, vận tải, du lịch và các ngành kinh tế xanh. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Môi trường sinh thái được bảo vệ; an sinh xã hội của người dân được bảo đảm; trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, chủ quyền quốc gia được bảo đảm vững chắc.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức không gian phát triển và nâng cao chất lượng quy hoạch

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; chủ động rà soát, đối chiếu, bám sát Nghị quyết số 27-NQ/TW, Quy hoạch Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch ngành có liên quan. Kịp thời đề xuất điều chỉnh, cập nhật khi cần thiết và theo quy định, bảo đảm tính đồng bộ, liên ngành, liên vùng. Định hướng không gian phát triển phải phù hợp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bảo đảm tầm nhìn dài hạn, khả năng thích ứng linh hoạt với các biến động về công nghệ, thị trường, dân số và biến đổi khí hậu.

Tập trung khai thác hiệu quả Hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và tuyến hành lang kinh tế kết nối liên vùng Lạng Sơn - Thái Nguyên, Lạng Sơn - Cao Bằng theo Quy hoạch vùng. Tăng cường kết nối chặt chẽ giữa các cửa khẩu quốc tế, khu kinh tế cửa khẩu với các trung tâm kinh tế, trung tâm logistics, cảng biển cửa ngõ vùng Đồng bằng sông Hồng và thị trường sâu trong nội địa cũng như quốc tế.

Tổ chức phát triển dựa trên không gian chức năng và chuỗi giá trị vùng, khắc phục tư duy cục bộ và hạn chế dàn trải nguồn lực theo địa giới hành chính. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công và thu hút đầu tư tư nhân vào các khu vực, dự án có khả năng tạo liên kết, lan tỏa mạnh mẽ. Tích hợp chặt chẽ các yêu cầu về sử dụng đất, hạ tầng giao thông, kho vận, tài nguyên môi trường, quy mô dân cư với các mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới và hạ tầng dữ liệu số trong suốt quá trình triển khai quy hoạch.

(Định hướng phát triển không gian được xác định tại Phụ lục kèm theo)

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Định kỳ Đảng ủy UBND tỉnh đánh giá tình hình, kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

2. Hoàn thiện cơ chế liên kết, phối hợp và điều phối phát triển vùng

Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh, trọng tâm là các cơ chế, chính sách phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; thu hút đầu tư; phát triển logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, du lịch, kinh tế số; thu hút và sử dụng nhân lực chất lượng cao. Chủ động kiến nghị Trung ương ban hành hoặc cho phép áp dụng cơ chế đặc thù đối với cửa khẩu thông minh, khu hợp tác kinh tế qua biên giới, khu phi thuế quan, logistics xuyên biên giới và vận tải đường sắt quốc tế.

Nghiên cứu xây dựng, ký kết và vận hành cơ chế phối hợp thường xuyên, thực chất với các địa phương trong vùng, đặc biệt là thành phố Hà Nội, thành phố Quảng Ninh, thành phố Bắc Ninh, các tỉnh Thái Nguyên và Cao Bằng dọc theo các hành lang kinh tế. Xác định rõ cơ quan đầu mối, lĩnh vực hợp tác cụ thể, danh mục nhiệm vụ, dự án trọng điểm và cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu thời gian thực. Ưu tiên phối hợp toàn diện trong các lĩnh vực: Phát triển hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng logistics cửa khẩu, kết nối tour - tuyến du lịch, xúc tiến thương mại và đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, quản lý môi trường liên tỉnh và chủ động phòng chống thiên tai.

Đối với các công trình, dự án kết nối liên tỉnh (như các tuyến đường bộ cao tốc, đường sắt tuyến Hà Nội - Lạng Sơn), phối hợp nghiên cứu cơ chế chung về chuẩn bị đầu tư, phương án huy động vốn, giải phóng mặt bằng, tổ chức khai thác đồng bộ và chia sẻ lợi ích theo nguyên tắc các địa phương cùng quyết định, cùng chịu trách nhiệm, cùng hưởng lợi. Kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để báo cáo, kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và Hội đồng điều phối vùng xem xét, giải quyết.

Tham gia tích cực vào các hoạt động Hội đồng điều phối vùng; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ điều phối vùng, tỉnh Lạng Sơn. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa tỉnh Lạng Sơn với các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố bạn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Lấy quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh làm căn cứ để phân bổ các nguồn lực toàn xã hội và thu hút đầu tư.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển các động lực kinh tế và chuỗi giá trị liên vùng

Kiên trì thực hiện mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, số và bao trùm; tập trung phát triển mạnh mẽ kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế số theo định hướng chiến lược. Đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng chống chịu của nền kinh tế; chuyển mạnh sang phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực. Nghiên cứu phát triển các mô hình, loại hình kinh tế mới tạo động lực đột phá phát triển kinh tế tỉnh như: Khu thương mại tự do, khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

Phát triển kinh tế cửa khẩu trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh, tập trung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn theo hướng hiện đại, đồng bộ, có sức cạnh tranh cao, bảo đảm phát triển gắn kết giữa khu vực cửa khẩu, logistics, kho bãi, cảng cạn, khu phi thuế quan, thương mại - dịch vụ, khu công nghiệp và các tuyến giao thông đối ngoại; phát huy vai trò của các cửa khẩu Hữu Nghị, Tân Thanh, Chi Ma và các cửa khẩu theo quy hoạch; gắn phát triển kinh tế cửa khẩu với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia. Phát triển kinh tế cửa khẩu trên cơ sở các ngành có lợi thế như xuất nhập khẩu, logistics, vận tải, du lịch, tài chính, công nghiệp chế biến, chế tạo và nông sản hàng hóa chất lượng cao.

Phát triển du lịch theo chuỗi liên kết liên tỉnh, liên vùng thực chất. Chủ động kết nối các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn, các điểm du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái, các làng du lịch cộng đồng với các điểm đến nổi tiếng của vùng (như Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng, vịnh Hạ Long, Quảng Ninh, vùng di sản Thủ đô Hà Nội). Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm quà tặng lưu niệm, kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao khả năng tiếp cận các thị trường khách du lịch cao cấp.

Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, dược liệu và kinh tế rừng bền vững theo chuỗi giá trị. Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với Na, Hồng, Quýt và cây ăn quả có múi, Thạch đen, Hồi, Quế, Thông, Keo, Mắc ca...; đẩy mạnh tiêu chuẩn hóa chất lượng, mã số vùng trồng, chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, liên kết chuỗi và mở rộng thị trường xuất khẩu. Phát triển kinh tế rừng bền vững, gắn bảo vệ và phát triển rừng với chế biến lâm sản, dược liệu dưới tán rừng, dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ carbon và sinh kế của người dân; nâng cao giá trị các sản phẩm gỗ, nhựa thông, hồi, quế và lâm sản ngoài gỗ.

Phát triển công nghiệp trở thành động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung hoàn thiện và khai thác hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, trọng tâm là Khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn, Khu công nghiệp Đồng Bành và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hữu Lũng; ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo, chế biến nông - lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch và các ngành có khả năng tham gia chuỗi giá trị khu vực.

Tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng để khu vực kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp và hợp tác xã tích cực tham gia, làm chủ các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng liên vùng. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận bình đẳng, minh bạch các nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, chuyển giao công nghệ, cung ứng lao động, dữ liệu và mở rộng thị trường; tập trung cơ chế hỗ trợ hình thành các tập đoàn, doanh nghiệp có quy mô và năng lực dẫn dắt trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế so sánh của tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng

Quyết liệt đôn đốc hoàn thành, đưa vào khai thác hiệu quả tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng và phối hợp triển khai tốc lực tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); qua đó hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ trên Hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và tuyến kết nối liên tỉnh Lạng Sơn - Cao Bằng. Chủ động phối hợp triển khai tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng và các trục kết nối với Quảng Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên; nâng cao hiệu quả các tuyến quốc lộ, đường tỉnh kết nối cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng sản xuất và khu du lịch.

Phát triển đồng bộ hạ tầng logistics, hệ thống kho bãi, trung chuyển, cảng cạn (ICD), khu kiểm định và thương mại biên giới gắn liền với Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và các hành lang vận tải liên vùng để kết nối đến các trung tâm tiêu dùng lớn tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; từng bước tối ưu hóa quy trình, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực thông quan và khả năng tổ chức vận tải xuyên biên giới.

Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu thông minh, mạng lưới viễn thông, năng lượng, cấp thoát nước và hệ thống thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa tại các trung tâm động lực, khu vực biên giới cửa khẩu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và các địa bàn có vai trò kết nối, giao lưu vùng.

Đổi mới căn bản việc lựa chọn và bố trí nguồn lực đầu tư công theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm và xác định rõ thứ tự ưu tiên; sử dụng vốn đầu tư công làm vốn môi để dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực xã hội. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đối với các dự án hạ tầng lớn đủ điều kiện; tăng cường công tác đánh giá hiệu quả sau đầu tư và năng lực khai thác đồng bộ hạ tầng gắn với không gian phát triển chung của vùng.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Định kỳ Đảng ủy UBND tỉnh đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

5. Phát triển hệ thống đô thị và các trung tâm động lực

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau sáp nhập địa giới, bám sát Quy hoạch tỉnh và Nghị quyết số 27-NQ/TW. Phát triển mạng lưới đô thị theo tiêu chí xanh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; có năng lực và không gian đủ lớn để cung cấp các dịch vụ thương mại, y tế, văn hóa cho khu vực rộng hơn địa giới hành chính thông thường. Tổ chức phát triển các đô thị theo

không gian phát triển 03 vùng kinh tế - xã hội của tỉnh: (1) Vùng kinh tế động lực; (2) Vùng kinh tế phía Đông; (3) Vùng kinh tế phía Tây.

Tổ chức không gian phát triển đa trung tâm, có liên kết và hỗ trợ lẫn nhau theo định hướng 01 trục phát triển (Đồng Đăng - Hữu Lũng gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam); 02 hành lang kinh tế (hành lang kinh tế đô thị Lạng Sơn - Thất Khê và hành lang kinh tế đô thị Lạng Sơn - đô thị Na Dương kết nối với Tiên Yên (Quảng Ninh)); 03 vùng kinh tế - xã hội, trong đó: (i) Vùng kinh tế động lực; (ii) Vùng kinh tế phía Đông; (iii) Vùng kinh tế phía Tây.

Ưu tiên tập trung các nguồn lực để xử lý dứt điểm các điểm nghẽn về hạ tầng đô thị, bao gồm giao thông nội thị, hệ thống cấp thoát nước, xử lý rác thải, ô nhiễm môi trường, phát triển không gian công cộng, công viên cây xanh và hạ tầng dịch vụ xã hội; nâng cao năng lực chủ động chống chịu, cảnh báo trước thiên tai và các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu tại các khu đô thị.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Phát triển nguồn nhân lực; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn chặt với nhu cầu thực tế của các hành lang kinh tế và chuỗi giá trị vùng. Ưu tiên đào tạo, thu hút nhân lực phục vụ các ngành mũi nhọn: quản trị logistics, kinh tế cửa khẩu, du lịch dịch vụ cao cấp, công nghiệp chế biến - chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, quản trị doanh nghiệp và các chuyên gia công nghệ số, y tế, giáo dục. Phát huy vai trò của Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ, các trường nghề và các cơ sở đào tạo trên địa bàn trong việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật. Tăng cường liên kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, đại học, học viện lớn để đào tạo theo đơn đặt hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế vùng của địa phương.

Khuyến khích, nghiên cứu hoàn thiện cơ chế cho hoạt động hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo giữa các cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo với cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Ưu tiên ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc nông sản chủ lực, công nghệ bảo quản và chế biến sâu, mô hình quản lý cửa khẩu thông minh, dữ liệu du lịch thông minh, quản lý bền vững tài nguyên, giám sát môi trường và dự báo phòng chống thiên tai từ xa.

Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu của đổi mới mô hình phát triển, tạo chuyển biến rõ nét về năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh; tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, có khả năng giải quyết các vấn đề lớn, đặc thù và cấp thiết của tỉnh. Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường đặt hàng nhiệm vụ theo yêu cầu thực tiễn, lấy hiệu quả ứng dụng và khả năng tạo giá trị gia tăng làm tiêu

chí chủ yếu; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế chính sách của Trung ương và tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ; nâng cao năng lực bảo hộ, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và sản phẩm OCOP.

Phát triển, kết nối và khai thác hiệu quả hệ thống dữ liệu số phục vụ công tác lập quy hoạch, quản lý không gian ngầm và không gian số, theo dõi hạ tầng kỹ thuật và điều phối liên vùng. Khẩn trương xây dựng trục cơ sở dữ liệu dùng chung và các nền tảng số đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin mạng; tập trung nâng cao năng lực số, kỹ năng số toàn diện cho đội ngũ cán bộ, công chức, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện

Đẩy mạnh hình thành các ngành công nghiệp văn hóa, ưu tiên tập trung nguồn lực thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế so sánh, khả năng tạo doanh thu cao, đóng góp trực tiếp vào GRDP của tỉnh như: Du lịch văn hóa, quảng cáo, thủ công mỹ nghệ, phát thanh - truyền hình, phần mềm và nội dung số. Phát triển các sản phẩm văn hóa đặc trưng, thúc đẩy sáng tạo, sản xuất, quảng bá và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong lưu giữ, phổ biến và quảng bá di sản; tăng cường giao lưu, trao đổi văn hóa với các địa phương trong nước và Quảng Tây (Trung Quốc).

Khai thác và phát huy tối đa bản sắc văn hóa đặc trưng, vốn sinh thái nhân văn phong phú của đồng bào các dân tộc (Tày, Nùng, Dao, Kinh...) trên địa bàn để trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kết nối, hình thành các tuyến, trục di sản, không gian văn hóa sáng tạo và du lịch liên tỉnh với các địa phương trong Vùng Trung du miền núi phía Bắc và Vùng đồng bằng sông Hồng; gắn liền với phát huy giá trị vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn. Kết hợp chặt chẽ công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể (trọng tâm là Thực hành Then của người Tày, Nùng) với phát triển sinh kế bền vững cho người dân, thúc đẩy công nghiệp văn hóa và du lịch dịch vụ gắn với Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

Tập trung nâng cao năng lực toàn diện của hệ thống y tế công lập (nhất là các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh nhằm đảm nhận một số chức năng vùng), nâng cao chất lượng giáo dục và các dịch vụ xã hội thiết yếu. Tăng cường các chương trình hợp tác chuyên môn sâu, nhận chuyển giao kỹ thuật y khoa hiện đại và đào tạo nhân lực chất lượng cao từ các bệnh viện trung tâm, các trường đại học lớn.

Phát triển hệ thống an sinh xã hội, mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nâng cao hiệu quả các chính sách việc làm, bảo hiểm, trợ giúp xã hội, người có công, trẻ em và người khuyết tật; chủ động phòng ngừa và giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh.

Phát triển thị trường lao động đồng bộ, kết nối linh hoạt cung - cầu nhân lực theo không gian kinh tế vùng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối trực tiếp với sàn giao dịch việc làm quốc gia. Đẩy mạnh công tác đào tạo lại nghề, chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ người lao động nông thôn, vùng biên giới thích ứng nhanh chóng với quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

8. Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu

Tăng cường cơ chế phối hợp liên tỉnh với các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, thành phố Quảng Ninh, thành phố Bắc Ninh trong công tác quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ an ninh nguồn nước tại các lưu vực sông lớn (như sông Kỳ Cùng, sông Thương), bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát ô nhiễm môi trường. Xây dựng, chuẩn hóa dữ liệu số và kết nối thông suốt hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường, cảnh báo thiên tai, tài nguyên nước, khoáng sản và đất đai; ưu tiên xử lý dứt điểm các vấn đề xả thải, ô nhiễm môi trường có tính chất liên vùng, liên lưu vực sông.

Kiên trì định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp trong tất cả các lĩnh vực sản xuất công - nông nghiệp. Khai thác hiệu quả, bền vững dịch vụ môi trường rừng; chủ động nghiên cứu, xây dựng các điều kiện cần thiết để tiếp cận và tham gia thị trường các-bon nhằm huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác phát triển rừng. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên khoáng sản (đặc biệt là nguồn đá xây dựng và đất san lấp phục vụ liên vùng) gắn liền với nghĩa vụ bảo vệ nguồn nước, hoàn nguyên và phục hồi môi trường sinh thái bắt buộc.

Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng đất đai, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh và yêu cầu phát triển; ưu tiên quỹ đất cho hạ tầng chiến lược, Khu kinh tế cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, đô thị, năng lượng, du lịch và các công trình an sinh xã hội; đẩy mạnh tạo quỹ đất sạch, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, đồng thời tăng cường công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa thất thoát, lãng phí và sử dụng đất sai mục đích.

Bảo vệ và phát triển bền vững rừng, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái đặc thù, trọng tâm là Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn, Khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên và không gian Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước, nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, dự báo, điều hòa và phân bổ nguồn nước; bảo đảm an ninh nguồn nước cho sinh hoạt,

sản xuất và hệ sinh thái; tăng cường bảo vệ nguồn sinh thủy, hành lang sông, suối, hồ chứa, kiểm soát ô nhiễm và nâng cao hiệu quả sử dụng, tái sử dụng nước.

Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và nâng cao sức chống chịu của các hệ thống kinh tế - xã hội, lồng ghép yêu cầu giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản trị rủi ro thiên tai vào quy hoạch, đầu tư, phát triển đô thị, hạ tầng và sản xuất; nâng cao năng lực dự báo, chia sẻ dữ liệu thông tin khí tượng thủy văn và các phương án ứng phó, phòng, chống lũ quét, sạt lở; rà soát, bố trí dân cư tại khu vực an toàn; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và sinh kế thích ứng với điều kiện sinh thái, khí hậu của từng vùng.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế

Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổ chức không gian, đầu tư hạ tầng kết nối và liên kết vùng với nhiệm vụ củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Lạng Sơn vững mạnh toàn diện, kết nối chặt chẽ trong thế trận phòng thủ của Quân khu 1 và cả nước.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt đường biên, cột mốc, hệ thống cửa khẩu quốc gia và quốc tế. Nâng cao hiệu quả phối hợp hiệp đồng giữa các lực lượng biên phòng, công an, quân sự với cấp ủy, chính quyền địa phương khu vực biên giới. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn và triệt phá các đường dây tội phạm xuyên biên giới, buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm ma túy, mua bán người, tội phạm công nghệ cao và các thách thức an ninh phi truyền thống khác ngay từ cơ sở.

Đẩy mạnh liên kết vùng và hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Ninh và các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; phát huy vai trò của Lạng Sơn trên hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác hữu nghị, đối ngoại toàn diện với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) cũng như các địa phương, đối tác quốc tế khác. Gắn kết chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân với mục tiêu phát triển mô hình cửa khẩu thông minh, hạ tầng logistics, xúc tiến thương mại biên mậu, du lịch qua biên giới, khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế và môi trường. Chủ động, linh hoạt huy động các nguồn vốn đầu tư nước ngoài để hỗ trợ kỹ thuật và các nguồn lực hợp pháp quốc tế để ưu tiên đầu tư cho các dự án tăng cường kết nối hạ tầng liên vùng của tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

10. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tổ chức vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp phù hợp với đặc điểm từng địa bàn và đặc thù các khu vực nông thôn, đô thị, miền núi, khu vực biên giới, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện đồng bộ đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ các cấp theo hướng đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, trong đó chú trọng tiêu chuẩn hoá, trẻ hoá, chuyên môn hoá. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực và các hành vi vi phạm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị; từng bước hình thành, kết nối, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp; lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức đảng.

Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và tăng cường đồng thuận xã hội.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Chương trình này khẩn trương cụ thể hóa để tổ chức thực hiện bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất vượt thẩm quyền.

2. Đảng ủy UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này; tham mưu sơ kết, tổng kết, bổ sung, điều chỉnh các nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Chỉ đạo UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; phân công rõ trách nhiệm cho từng sở, ban, ngành, địa phương; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Giao các cơ quan chuyên môn phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, nhiệm vụ.

Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ đã được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành, chỉ đạo triển khai có liên quan đến mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này; tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ đã được giao, bảo đảm không trùng lặp.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền các mục tiêu, cơ chế, chính sách và nguồn lực cần thiết để thực hiện Chương trình; tăng cường giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án có tính liên vùng, liên kết và tác động lớn.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh

Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội; phát huy vai trò cộng đồng, người dân và doanh nghiệp trong xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án liên kết, phát triển không gian và bảo vệ môi trường.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tuyên truyền, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

6. Văn phòng Tỉnh ủy

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu tổ chức làm việc để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai, thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan CTTMGV Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Đoàn Thị Hậu